

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá cho gói thầu Mua sắm Trang phục y tế và đồ vải của Trung tâm Y tế Phú Thiện năm 2026

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội, Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội, Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ biên họp ngày 15/6/2026 của Trung tâm Y tế Phú Thiện về việc thống nhất danh mục, số lượng, quy cách kỹ thuật đồ vải và trang phục y tế của Trung tâm Y tế Phú Thiện năm 2026,

Căn cứ nhu cầu của Trung tâm Y tế Phú Thiện.

Trung tâm Y tế Phú Thiện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm trang phục y tế và đồ vải của Trung tâm Y tế Phú Thiện năm 2026.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Phú Thiện.

2. Thông tin tiếp nhận báo giá:

+ Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại phòng Văn thư Trung tâm Y tế Phú Thiện. Địa chỉ: Đường Tôn Thất Tùng – xã Phú Thiện - tỉnh Gia Lai. Số điện thoại: 02693 605.001

+ Nhận qua Email: van_thu_ttpt@syt.gialai.gov.vn

- Thời hạn tiếp nhận báo giá:

+ Từ ngày ra thông báo đến trước 15h00 ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục đề nghị báo giá (Phụ lục I kèm theo)

2. Nội dung báo giá (Phụ lục II kèm theo)

- Trong bảng chào giá nêu rõ Danh mục hàng hóa, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật vải, đơn giá,(Mẫu bảng chào giá của Quý Công ty/đơn vị theo phụ lục đính kèm).

- Khi chào giá, đề nghị các Công ty/đơn vị lưu ý những nội dung sau đây:

- Bảng chào giá phải được ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu xác nhận của Công ty/đơn vị;

- Giá hàng hóa đã bao gồm: Giá trị hàng hóa trong bảng chào giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bàn giao, thuế VAT và các loại phí khác có liên

quan;

- Bảng chào giá phải ghi rõ: Ngày báo giá - Hiệu lực bảng chào giá (Tối thiểu 90 ngày).

- Bảng chào giá phải đầy đủ các thông tin theo mẫu: Phụ lục đính kèm công văn này

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Trung tâm Y tế Phú Thiện. **Thời gian giao hàng dự kiến:** Năm 2026 (tùy theo hợp đồng ký kết).

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng.

- Tạm ứng: Không.

- Thanh toán hợp đồng: Theo hóa đơn xuất hàng trong vòng 90 ngày.

- Hình thức nhận hồ sơ: 02 bộ hồ sơ bản cứng

Trung tâm Y tế Phú Thiện rất mong nhận được bảng chào giá, các tài liệu liên quan của các Công ty/đơn vị và cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty/đơn vị./

Nơi nhận:

- Các công ty/đơn vị cung cấp;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT đơn vị;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



(Signature)
Bùi Phi Sang

Phụ lục I
DANH MỤC MUA SẴM TRANG PHỤC Y TẾ, ĐỒ VẢI CỦA TTYT PHÚ THIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB- TTYT ngày tháng năm 2026 của TTYT Phú Thiện)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Trang phục bác sỹ, Nam, Nữ	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương. - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 160 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Quần: - Quần đối với nam: Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương. - Quần đối với nữ: Chất liệu vải Kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2): 251±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4 ± 2 Cotton: 26.6± 2 Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo. Đo và may theo số đo của từng người. In logo trên áo.	Bộ	20	
02	Trang phục của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ, (Nam, Nữ)	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đối với nữ, 3 túi đối với nam, có khuy cài biên tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu vải Kate ford hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 160 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng;	Bộ	44	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Quần đối với nam: Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải Kaki thun hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 251±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4 ± 2 Cotton: 26.6± 2 - Mũ: Theo màu sắc của áo - Đo và may theo số đo từng người, In logo trên áo.			
03	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân Nam, Nữ.	1. Áo - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có 3 túi phía trước; dài áo ngang hông, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương. - Màu sắc: màu trắng - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 160 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: - Quần đối với nam: Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải Kaki thun hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 251±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4 ±2 Cotton: 26.6± 2 - Mũ: Theo màu sắc của áo - May và đo theo số đo từng người. In logo trên áo	Bộ	6	
04	Trang phục của dược sĩ , Nam, Nữ	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Chất liệu vải Kate ford hoặc tương đương. - Màu sắc: Màu trắng; - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 160 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Quần đối với nam: Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương	Bộ	8	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		- Quần đối với nữ: Chất liệu vải Kaki thun hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 251±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4 ±2 Cotton: 26.6± 2 - Màu sắc: Màu trắng; Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo. May và đo theo số đo của từng người. In logo trên áo			
05	Trang phục của hộ lý	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Chất liệu vải Kate ford hoặc tương đương. - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 160 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo. May và đo theo số đo của từng người. In logo trên áo	Bộ	5	
06	Trang phục nhân viên hành chính Nam	1.Áo: - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Màu sắc: Màu sáng; - Chất liệu: Vải Bambo hoặc tương đương Khối lượng vải (g/m2): 127.7±4 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 50.5 ±2 Bambo: 45.5 ±2 Spandex: 4±2 2. Quần: - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Màu sắc: Màu sẫm; - Chất liệu: vải Kaki hoặc tương đương	Bộ	2	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		- Khối lượng vải (g/m2): 250.3 ±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) - Polyester: 71.5 ±2; - Rayon: 24.8± 2 ; - Spandex: 3.7±2			
07	Trang phục nhân viên hành chính Nữ	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Màu sắc: Màu sáng; - Chất liệu vải Bambo hoặc tương đương Khối lượng vải (g/m2): 127.7±4 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 50.5 ±2 Bambo: 45.5 ±2 Spandex: 4±2 2. Quần hoặc chân váy đối với nữ: - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo. Chân váy kiểu Jupe, ngang gối. - Màu sắc: Màu đen hoặc xanh đen; - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 250.3 ±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) - Polyester: 71.5 ±2 - Rayon: 24.8± 2 - Spandex: 3.7±2	Bộ	13	
08	Trang phục kỹ sư bảo trì, nhân viên lái xe	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh đen; - Chất liệu vải Kate ford hoặc tương đương, Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 206 Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương	Bộ	4	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		- Khối lượng vải (g/m2): 217±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4±2 , Cotton: 26.6±2 May và đo theo số đo của từng người. In logo trên áo			
09	Trang phục nhân viên bảo vệ	1. Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lờ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Màu sắc: màu xanh cô ban sẫm - Chất liệu vải Kate ford hoặc tương đương. Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 206 Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 2. Quần: Màu sắc: Màu xanh đen - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Chất liệu vải Kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu xanh đen - Khối lượng vải (g/m2): 251±4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester: 73.4±2 Cotton: 26.6±2 Mũ : Kiểu kê pi cùng màu với áo May và đo theo số đo của từng người. In logo trên áo	Bộ	2	
10	Áo choàng phẫu thuật viên	- Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. - Kiểu dáng: dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6 cm, buộc dây phía sau. - Chất Liệu vải Vải Kate ford hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 196 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5	Cái	10	
11	Trang phục phẫu Thuật viên	- Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. Kiểu dáng: + Áo: cổ tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. + Quần: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Chất Liệu vải Vải Kate ford hoặc tương đương. - Khối lượng vải (g/m2) (+/-4): 196 - Thành phần nguyên liệu (%) (+/-2): Polyester: 64; Cotton: 36 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5	Bộ	12	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		May và đo theo số đo của từng người. In logo trên áo			
12	Xăng trải bàn khám	- Kích thước: 0.8m x1.6m - May 1 lớp - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	5	
13	Ga trải giường (KT 0.8m x 2m)	- Vải thun cotton màu xanh, có thun bọc vòng quanh, kt: KT 0.8m x 2m, - - Mật độ vải (sợi/10cm) dọc: 230-250 - Mật độ vải (sợi/10cm) ngang: 150-170 - Độ bền màu giặt 4-5	Cái	10	
14	Ga trải giường (KT 0.9m x 1.9m)	- Vải thun cotton màu xanh, có thun bọc vòng quanh, kt: KT 0.9m x 1.9m, - Mật độ vải (sợi/10cm) dọc: 230-250 - Mật độ vải (sợi/10cm) ngang: 150-170 - Độ bền màu giặt 4-5	Cái	195	
15	Ga trải giường (KT 1m x 2m)	- Vải thun cotton màu xanh dương, có thun bọc vòng quanh, kt: KT 1m x 2m, - Mật độ vải (sợi/10cm) dọc: 230-250 - Mật độ vải (sợi/10cm) ngang: 150-170 - Độ bền màu giặt 4-5	Cái	4	
16	Xăng gói dụng cụ (Kt 80cm x 80 cm) 2 lớp	- Kích thước: 80x80cm , - May 2 lớp - Màu sắc : Màu xanh lá - Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	60	
17	Xăng có lỗ (kt 70x70cm)	- Kích thước: 70x70cm - Lỗ tròn, đường kính 12cm, - May 2 lớp - Màu sắc : Màu xanh lá - Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	12	

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách , tiêu chuẩn, kỹ thuật hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
18	Túi bọc khay Mayo	Kích thước: 60*100cm - May 1 lớp - Màu sắc : Màu xanh lá * Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	5	
19	Xăng (kt 90cm x 100cm)	Kích thước: 90*100cm - May 2 lớp - Màu sắc : Màu xanh lá * Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	20	
20	Xăng trải bàn mỗ	- Kích thước: 1.8m x 2.6m - May 2 lớp - Màu sắc : Màu xanh lá * Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	10	
21	Xăng trải bàn mỗ có lỗ	- Kích thước: 1.8m x 2.6m, (Lỗ tròn đường kính 35 x 35cm ở giữa, trên 2 đường chỉ may chắc chắn). - May 2 lớp, - Màu sắc : Màu xanh lá * Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m2): 206 ± 4 , Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%), Polyester: 85.3 ± 2 Cotton: 14.7 ± 2	Cái	10	
TỔNG CỘNG : 21 danh mục					

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ TRANG PHỤC Y TẾ, ĐỒ VẢI CỦA TTYT PHÚ THIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTYT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Y tế Phú Thiện)

BÁO GIÁ

Kính gửi:(ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá)

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của(ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá), chúng tôi...(ghi tên, địa chỉ của tổ chức/ cá nhân cung cấp hàng hóa; trường hợp nhiều tổ chức/ cá nhân cung cấp hàng hóa cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, đại chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng sau:

STT (Số thứ tự như danh mục tại phụ lục 1 đính kèm)	STT theo phần (Số thứ tự như danh mục tại phụ lục 1 đính kèm)	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ) (Có VAT)	Tên công ty
1										
2										
N										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:ngày, kể từ ngày....tháng ...năm(ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày..... tháng ...năm....
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngàythángnăm

**Đại diện hợp pháp của tổ chức/ cá nhân
cung cấp hàng hóa**
(Ký tên, đóng dấu)